

Bản án số: 11/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 20 - 12 - 2024

V/v: không công nhận quan hệ vợ chồng.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN YÊN**  
**TỈNH QUẢNG NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Duy Hải.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Quang Đạc và bà Hà Thị Thu.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Phương Liên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Đặng Quang Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tiên Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 24/2024/TLST - HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2024 về việc *Không công nhận quan hệ vợ chồng*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Lý Nhì M - *Có mặt*.

Nơi cư trú: thôn H, xã P, huyện T, tỉnh Quảng Ninh.

- Bị đơn: anh Trương Văn S - *Vắng mặt*.

Nơi cư trú: thôn H, xã P, huyện T, tỉnh Quảng Ninh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện và lời khai của nguyên đơn chị L Nhì Múi trình bày: chị M chung sống như vợ chồng với anh Trương Văn Sinh T năm 1995 đến nay nhưng do không hiểu biết pháp luật nên không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do quan điểm sống không phù hợp, luôn xảy ra cãi vã. Từ năm 2014 hai người đã sống ly thân không ở cùng nhau nữa, chị M ra ngoài đi làm ăn. Nay chị M thấy không thể tiếp tục chung sống với anh S được nữa, chị yêu cầu được ly hôn anh S.

Về con chung: chị M và anh S có 02 con chung là cháu Trương Văn K sinh ngày 24/7/1997 và cháu Trương Thị Hồng S1 ngày 02/9/1999, cả hai cháu đã lập gia đình và ở riêng nên chị M không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trương Văn S có lời khai trình bày: về điều kiện, thời gian chung sống giữa anh S và chị M như chị M trình bày là đúng, anh S và chị M không đăng ký kết hôn là do không hiểu biết về pháp luật, mâu thuẫn vợ chồng cũng do bất đồng về quan điểm sống, hay xảy ra cãi nhau. Nay chị M xin ly hôn do anh S cũng không thể tiếp tục chung sống với chị M được nữa nên anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: như chị M trình bày là đúng. Anh S cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết do 02 con chung đã thành niên và lập gia đình riêng.

Về tài sản chung: anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện VKS tại phiên tòa có quan điểm: trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi xét xử những người tiến hành tố tụng, các đương sự đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật. Về nội dung xét thấy chị Lý Nhì M và anh Trương Văn S chung sống với nhau từ năm 1995 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng, đề nghị HĐXX tuyên bố chị Lý Nhì M và anh Trương Văn S không phải là vợ chồng. Về con chung thấy các con chung đã thành niên nên không đề cập.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN**

[1] Về tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng, đủ theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa anh S có đơn xin xử vắng mặt và thể hiện rõ quan điểm về việc giải quyết vụ án, do đó theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về tình cảm: Chị Lý Nhì M và anh Trương Văn S tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình, thì quan hệ giữa chị Lý Nhì M và anh Trương Văn S không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung: chị Lý Nhì M và anh Trương Văn S không đề nghị giải quyết do các con chung đã thành niên nên HĐXX không đề cập.

[4] Về tài sản chung: cả chị M và anh S đều không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: chị M phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ: khoản 7 Điều 28, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình.

**Tuyên xử:** Không công nhận chị Lý Nhì M và anh Trương Văn S là vợ chồng.

Căn cứ: khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về án phí.

Buộc chị Lý Nhì M phải nộp 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí mà chị M đã nộp theo biên lai số 0004367 ngày 28/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiên Yên.

Căn cứ Điều 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Báo cho chị M biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với anh S vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND huyện Tiên Yên;
- THADS huyện Tiên Yên;
- UBND xã Phong Dụ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Duy Hải**